TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH N**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨ VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/HS-ST
Ngày 01 tháng 11 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: ông Bùi Khắc Thái, bà Nguyễn Thị Phương Thiệu.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Bùi Ngọc Tạo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa: ông Trương Thanh B1 - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/11/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 63/2024/TLST-HS, ngày 06/9/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2024/QĐXXST - HS ngày 18 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình Tr, sinh năm 1976 tại tỉnh N. Tên gọi khác: Không.

Nơi cư trú: thôn Ng, xã GT, huyện N, tỉnh N; giới tính: nam; Quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: Kinh, tôn giáo: không, nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 08/12; con ông Nguyễn Đình S và bà Trương Thị B, có vợ là Nguyễn Thị L và 01 con sinh năm 2023; tiền án: tại bản án số 62/2006/HSST ngày 29/9/2006 của Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 08 năm tù về tội ‘‘Mua bán trái phép chất ma túy‘‘, phạt bổ sung 5.000.000 đồng, tịch thu sung quỹ Nhà nước 600.000 đồng và án phí HSST 50.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/7/2014, chưa chấp hành khoản tiền phạt bổ sung, án phí, chưa được xóa án tích; tiền sự: ngày 30/10/2020, bị Tòa án nhân dân huyện N ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, chấp hành xong ngày 02/5/2022, chưa được xóa; nhân thân: tại bản án số 19/1997/HSST ngày 19/9/1997 của Tòa án nhân dân huyện Gia Viễn xử phạt Tr 18 tháng tù về tội ‘‘Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy‘‘, chấp hành xong toàn bộ bản án ngày 26/02/2009, đã được xóa án tích; tại bản án số 33/HSST ngày 11/4/2003 của Tòa án nhân dân tỉnh N xử phạt 05 năm tù về tội ‘‘Cướp tài sản‘‘, chấp hành xong bản án ngày 02/9/2005 đã được xóa án tích; ngày 03/8/2016 bị Công an huyện N xử phạt tiền 5.000.000 đồng về hành vi ‘‘nhận cầm đồ tài sản nhưng không có hợp đồng theo quy định‘‘ chấp hành xong ngày 12/8/2016, đã được xóa; ngày 14/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện N ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn

24 tháng, chấp hành xong ngày 19/9/2018, đã được xóa; ngày 31/10/2016 bị Công an huyện N xử phạt tiền 15.000.000 đồng về hành vi ‘‘tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép‘‘, (đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên), đã được xóa; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14/5/2024, chuyển tạm giam từ ngày 22/5/2024, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đinh Trọng B1, sinh năm 1987. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Nơi cư trú: thôn MT, xã GT, huyện N, tỉnh N.

- Chị Hồ Thị M, sinh năm 1979. Vắng mặt

Nơi cư trú: thôn Ngọc Thự, xã Gia Tường, huyện N, tỉnh N.

- Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1997. Có mặt.

Nơi cư trú: thôn Ng, xã GT, huyện N, tỉnh N.

- Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam T (V Bank)

Trụ sở: số 89 L, Quận Đ, H, V

Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Trí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đại diện theo ủy quyền: ông Tạ Thành Tr1. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

Người làm chứng:

Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1983. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau

Nguyễn Đình Tr cư trú sinh sống tại thôn Ng, xã GT, huyện N, tỉnh N là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu, từng bị kết án, không có công ăn việc làm ổn định. Bản thân Tr không công tác và có chức vụ gì thuộc các tổ chức tín dụng hay công ty tài chính, Tr không có giấy phép kinh doanh trong lĩnh vực cho vay hay kinh doanh tiền tệ xong do biết một số người dân mà Tr quen biết có nhu cầu vay tiền nên Tr đã nảy sinh ý định cho những người này vay với mức lãi suất từ 4.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày đến 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 146%/năm đến 182,5%/năm (*Vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự*) để thu lợi bất chính. Những người đi vay tiền của Tr tùy từng Tr hợp sẽ phải cầm cố, thế chấp tài sản. Việc cho vay giữa Nguyễn Đình Tr và những người đi vay được thực hiện bằng hợp đồng miệng hoặc viết giấy dưới hình thức là giấy vay nợ không ghi lãi suất. Cụ thể:

1. *Nguyễn Đình Tr cho anh Đinh Trọng B1 sinh năm 1987 trú tại thôn MT, xã GT, huyện N, tỉnh N vay tiền vào các ngày 02/01/2024; 07/01/2024; 10/01/2024 và ngày 12/01/2024:*

Ngày 02/01/2024, anh B1 đến nhà Tr gặp và hỏi vay của Tr số tiền **50.000.000 đồng**, với mức lãi suất 4.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất **146%**/năm của khoản tiền vay. Để che giấu hành vi phạm tội của mình, Tr yêu cầu anh B1 viết giấy vay tiền với nội dung vay 50.000.000 đồng của Tr và gửi lại

chiếc xe ô tô biển kiểm soát 35A-373.10 của anh B1 để Tr quản lý và trong nội dung giấy không ghi rõ mức lãi suất mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau. Sau đó, Hai bên thỏa thuận 10 ngày trả tiền lãi một lần rồi Tr đưa cho anh B1 đủ 50.000.000 đồng tiền mặt và không cắt lãi.

Ngày 07/01/2024, anh B1 gọi điện đến số điện thoại 0964220557 của Tr và hỏi vay tiếp Tr số tiền **100.000.000 đồng**, với mức lãi suất 4.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất **146%**/năm của khoản tiền vay. Lần vay này giữa hai bên không viết giấy vay tiền.

Ngày 10/01/2024, anh B1 tiếp tục đến nhà Tr gặp và hỏi vay thêm của Tr **100.000.000 đồng** với mức lãi suất 4.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất **146%**/năm của khoản tiền vay. Để che giấu hành vi phạm tội của mình, Tr yêu cầu anh B1 viết giấy với nội dung bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 35A-373.10 cho Tr và ghi nợ tổng số tiền 250.000.000 đồng (*gồm 100.000.000 đồng lần vay này và 150.000.000 đồng của hai lần vay trước đó*). Sau khi anh B1 viết giấy bán xe và ghi nợ theo yêu cầu của Tr, Tr đưa trực tiếp 100.000.000 đồng tiền mặt cho anh Bình.

Ngày 12/01/2024, anh B1 tiếp tục gọi điện đến số điện thoại 0964220557 của Tr và hỏi vay được của Tr số tiền **15.000.000 đồng** với mức lãi suất 4.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất **146%**/năm của khoản tiền vay. Lần vay này giữa hai bên không viết giấy vay tiền. Tổng số tiền mà anh B1 đã vay của Tr là 265.000.000 đồng, các lần vay thì Tr đều đưa đủ tiền và không cắt lãi.

Sau khi nhiều lần thúc giục anh B1 trả tiền nợ, đến ngày 22/3/2024 Nguyễn Đình Tr và anh B1 cùng thống nhất số tiền lãi của khoản vay 265.000.000 đồng được tính từ ngày đầu vay là ngày 02/01/2024 đến ngày 22/3/2024 là 80.000.000 đồng. Sau đó, anh B1 và Tr viết thêm 01 giấy vay tiền với nội dung anh B1 đã vay của Tr số tiền 345.000.000 đồng. (*Trong nội dung giấy vay tiền không ghi mức lãi suất*).

Về việc trả tiền lãi: Ngày 24/02/2024 và ngày 23/3/2024, anh B1 sử dụng tài khoản ngân hàng của mình mở tại ngân hàng Quân đội MB Bank, số tài khoản: 0966664882 để chuyển trả tiền lãi đến tài khoản 101876900976 ngân hàng Viettinbank của Tr được tổng cộng 40.000.000 đồng (*trong đó: Ngày 24/02/2024 trả 10.000.000 đồng và ngày 23/3/2024 trả 30.000.000 đồng*).

Như vậy: Trong thời gian từ ngày 02/01/2024 đến ngày 13/5/2024 (*ngày Tr bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng*) là 132 ngày, với lãi xuất 4000đồng/1 triệu/1 ngày thì số tiền lãi anh B1 phải trả cho Tr là 139.920.000 đồng, trong đó số tiền mà Tr được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay (132 x 265.000.000 x 0,2) :365 = 19.167.123 đồng. Như vậy, số tiền mà Tr thu lời bất chính (139.920.000 đồng – 19.167.123 đồng) = **120.752.877 đồng**. Đối với số tiền gốc vay 265.000.000 đồng, đến nay anh B1 chưa trả cho Tr.

2. *Nguyễn Đình Tr cho chị Hồ Thị M sinh năm 1979, trú tại thôn Ngọc Thự, xã Gia Tường, huyện N, tỉnh N vay tiền vào ngày 11/01/2024.*

- Ngày 11/01/2024, do có nhu cầu về tài chính, chị M đến nhà Tr gặp và hỏi vay được của Tr số tiền **35.000.000 đồng**, với mức lãi suất 5.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất **182,5%**/năm của khoản tiền vay. Nhằm che giấu

hành vi phạm tội của mình, Tr đã yêu cầu chị M viết vào trong sổ nội dung giấy vay số tiền trên và không thế chấp tài sản gì (*Việc cho vay được thực hiện dưới hình thức viết giấy vay tiền vào sổ nhưng nội dung về lãi suất sẽ thỏa thuận bằng miệng, không ghi nhận trong giấy vay tiền)*. Hai bên thỏa thuận thời gian trả lãi là 30 ngày (tháng) trả lãi 1 lần kể từ ngày bắt đầu vay, cụ thể số tiền lãi thực tế phải trả là 5.250.000 đồng/tháng. Chị M đã trả tiền lãi cho Tr trong 4 tháng cụ thể như sau:

+ ***Tháng 2/2024***: Ngày 08/02/2024, chị M chuyển khoản trước đến số tài khoản 101876900976 ngân hàng Viettinbank của Tr số tiền lãi từ ngày 11/01/2024 đến ngày 10/02/2024 là 5.250.000 đồng. Đối với số tiền gốc vay, chị M trả trực tiếp cho Tr 10.000.000 đồng tiền mặt. Còn nợ lại 25.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy số tiền mà Tr được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay (30 x 35.000.000 x 0,2) :365 = 575.342 đồng, số tiền mà Tr thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) là 4.674.658 đồng;

Đối với số tiền nợ gốc 25.000.000 đồng, Tr vẫn áp dụng mức lãi suất 5.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất **182,5%**/năm của khoản tiền vay, cụ thể số tiền lãi thực tế phải trả là 3.750.000 đồng/ tháng;

+ ***Tháng 3/2024***: Ngày 12/3/2024, chị M trả cho Tr số tiền lãi tính từ ngày 11/02/2024 đến ngày 12/3/2024 là 3.750.000 đồng tiền mặt. Đối với số tiền gốc vay, chị M trả cho Tr 15.000.000 đồng tiền mặt. Còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy số tiền mà Tr được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay (30 x 25.000.000 x 0,2) :365 = 410.959 đồng, số tiền mà Tr thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) là 3.339.041 đồng;

Đối với số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng, Tr vẫn áp dụng mức lãi suất 5.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất **182,5%**/năm của khoản tiền vay, cụ thể số tiền lãi thực tế phải trả là 1.500.000 đồng/ tháng;

+ ***Tháng 4 và tháng 5/2024***: Ngày 13/4/2024, chị M trả cho Tr số tiền lãi tính từ ngày 13/3/2024 đến 13/4/2024 là 1.500.000 đồng tiền mặt. Đến ngày 09/5/2024, chị M chuyển khoản đến số tài khoản 101876900976 ngân hàng Viettinbank của Tr số tiền lãi từ ngày 13/4/2024 đến ngày 13/5/2024 là 1.500.000 đồng. Vì vậy, tính từ ngày 13/3/2024 đến ngày 13/5/2024 (*Ngày bị phát hiện hành vi vi phạm*) thì số tiền mà Tr được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay (60 x 25.000.000 x 0,2) :365 = 328.767 đồng, số tiền mà Tr thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự) là 2.671.233 đồng.

Đến ngày 09/8/2024 chị M đã trả số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng còn lại cho Tr thông qua chị Nguyễn Thị L (vợ của Tr).

Như vậy, Tổng số tiền lãi thực tế Tr đã thu của chị M là 12.000.000 đồng, trong đó số tiền tính theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật dân sự của Tr được hưởng là 1.315.068 đồng, thu lời bất chính số tiền 10.684.932 đồng.

Trong thời gian Nguyễn Đình Tr thực hiện hành vi nêu trên thì ngày 10/5/2024, Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh N nhận được đơn đề nghị của quần

chúng nhân dân xã GT phản ánh về việc nhà của Nguyễn Đình Tr ở thôn Ng, xã GT, huyện N xuất hiện nhiều đối tượng lạ mặt, nghi ngờ có liên quan đến ma túy và hoạt động cho vay tiền lãi suất cao.

Quá trình cơ quan Công an xác minh tin báo thì ngày 13/5/2024, Nguyễn Đình Tr đến trụ sở Công an tỉnh N nộp đơn xin đầu thú về việc bản thân mình đã có hành vi cho anh Đinh Trọng B1 vay tiền với lãi suất cao, Cơ quan điều tra Công an tỉnh N đã lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với Tr và tiến hành các hoạt động xác minh ban đầu, lấy lời khai của Tr và những người có liên quan. Tại cơ quan điều tra, anh Đinh Trọng B1 đã khai nhận toàn bộ nội dung về việc vay tiền của Tr với số tiền gốc vay 265.000.000 đồng với lãi suất 4000đ/1 triệu/1 ngày, ngoài ra anh B1 giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 mảnh giấy kích thước (9,6 x 14,3) cm có nội dung vay tiền và 01 mảnh bìa có kích thước (20x28)cm có ghi nội dung về quá trình trả nợ, số tiền trả nợ qua các giai đoạn thời gian.

Ngày 14/5/2024, Cơ quan điều tra Công an tỉnh N đã tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Nguyễn Đình Tr tại thôn Ng, xã GT, huyện N thu giữ tại ngăn tủ số 1 của tủ nhựa kê cạnh giường ngủ phòng ngủ tầng 1 của vợ chồng Trương 04 quyển sổ, gồm:

+ 01 quyển sổ có chữ "Notebook Home" đã qua sử dụng;

+ 01 quyển sổ màu đen trên bìa có chữ "PV.06 Classsic"

+ 01 quyển sổ màu đen trên bìa có chữ "MC-672 Classic"

+ 01 quyển sổ màu đen trên bìa 02 góc cạnh ngoài bìa đầu sổ được bọc bằng kim loại chữ "V"

Quá trình kiểm tra nội dung trong các quyển sổ thu giữ đều có nội dung là các giấy vay tiền với nhiều mức vay, ngày vay của nhiều người khác nhau, trong đó có nội dung liên quan đến việc Tr cho anh Đinh Trọng B1 và chị Hồ Thị M vay tiền với lãi suất rất cao.

Ngoài ra, thu giữ của Nguyễn Đình Tr 01 xe ô tô nhãn hiệu MG5, biển kiểm soát 35A-373.10, có số khung: MMLA36U667PG016135, số máy: 15S4C5QTP3010003; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, bên trong lắp sim số điện thoại 0979.501.135; số tiền mặt 3.000.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, bên trong lắp sim số điện thoại 0979.501.135 thu giữ của Tr, phát hiện bên trong điện thoại có các nội dung tin nhắn trao đổi việc vay nợ và trả lãi giữa Tr với người vay là anh B1 và chị M, ngoài ra còn các nội dung nhận tiền lãi chuyển khoản.

Tiến hành phong tỏa số tiền 5.664.953 đồng trong tài khoản số: *101876300976* của Nguyễn Đình Tr mở tại Ngân hàng TMCP Công thương – chi nhánh N (Viettinbank).

Tiến hành làm việc, Cơ quan điều tra tiến hành thu mẫu nước tiểu của Nguyễn Đình Tr để trưng cầu giám định về chất ma túy. Tại kết luận giám định số 428/KL-KTHS-MT ngày 21/5/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh N kết luận: "Tìm thấy Codein, Morphine, 6-Monoacertylmorphine là sản phẩm chuyển

hóa của Heroine (Heroin) trong mẫu nước tiểu thu giữ của Nguyễn Đình Tr (ký hiệu A1) gửi giám định.

(Heroin là chất ma túy thuộc Danh mục IA, số thứ tự 9; Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ)

Cơ quan Điều tra đã chuyển 01 quyển sổ có chữ "Notebook Home" đã qua sử dụng; 01 quyển sổ màu đen trên bìa có chữ "PV.06 Classsic"; 01 quyển sổ màu đen trên bìa có chữ "MC-672 Classic" và 01 quyển sổ màu đen trên bìa 02 góc cạnh ngoài bìa đầu sổ được bọc bằng kim loại chữ "V"; 01 mảnh giấy kích thước (9,6 x 14,3) cm có nội dung vay tiền thu giữ của Nguyễn Đình Tr và 01 mảnh bìa có kích thước (20x28)cm thu giữ của Đinh Trọng B1 theo hồ sơ vụ án.

Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã ra quyết định chuyển số tiền 3.000.000 đồng từ tài khoản tạm giữ của Công an huyện N đến tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, chuyển 01 xe ô tô nhãn hiệu MG5, biển kiểm soát 35A-373.10, có số khung: MMLA36U67PG016135, số máy: 15S4C5QTP3010003; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, bên trong lắp sim số điện thoại 0979.501.135 đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Quá trình điều tra vụ án, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 65/CT- VKSNQ- HS ngày 05/9/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Nguyễn Đình Tr về tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự

Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về Bản cáo trạng và Kết luận giám định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như Bản cáo trạng đã nêu, sau khi luận tội đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Tr phạm tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, các Điều 38, 47 của Bộ luật hình sự; các Điều 106, 130, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội**.** Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Tr từ 06(sáu) đến 09(chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/5/2024**.** Phạt bổ sung đối với bị cáo Tr từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ.

Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (Số tiền lãi của 20%) mà bị cáo đã thu của 02 người vay tiền là (1.315.068đ + 19.167.123đ) = 20.482.191 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax; Truy thu của bị cáo số tiền gốc dùng để cho vay là 35.000.000 đồng; truy thu của anh Đinh Trọng B1 số tiền 265.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước; trả lại cho anh Đinh Trọng B1 số tiền 20.832.877 đồng và 01 xe ô tô nhãn hiệu MG5, biển kiểm soát 35A-373.10, có số khung: MMLA36U67PG016135, số máy: 15S4C5QTP3010003 nhưng tiếp tục quản lý các tài sản trên để đảm bảo thi hành án; trả lại cho chị Hồ Thị M số tiền 10.684.932 đồng; trả lại cho bị cáo số tiền 3.000.000 đồng nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án; duy trì lệnh phong tỏa số 249/LPT-CSHS ngày 27/5/2024 của Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đối với số tiền 5.664.953 đồng trong tài khoản số: *101876300976* của Nguyễn Đình Tr mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) Công thương Chi nhánh N cho đến khi bị cáo Tr thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính đã tuyên trong bản án này; tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0979.501.135 (lắp trong chiếc điện thoại di động đã đề nghị tịch thu ở trên) và 01 phong bì thư (dùng để niêm phong chiếc điện thoại di động đã đề nghị tịch thu ở trên). Bị cáo phải nộp án phí theo luật định.

Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và có ý kiến tranh luận đề nghị không truy thu của bị cáo 35.000.000 đồng là số tiền gốc đã cho chị Hồ Thị M vay và đề nghị không truy thu của anh Đinh Trọng B1 265.000.000 đồng là số tiền gốc bị cáo cho anh B1 vay và anh B1 phải trả cho bị cáo số tiền 265.000.000 đồng. Tranh luận với bị cáo, ông Kiểm sát viên khẳng định số tiền gốc 300.000.000 đồng mà bị cáo cho chị M và anh B1 vay là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu để nộp ngân sách Nhà nước và vẫn giữ nguyên quan điểm đã luận tội nêu trên. Được nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa bị cáo hoàn toàn nhận tội. Lời nhận tội của bị cáo cùng các chứng cứ khác thể hiện rõ: Xuất phát từ việc Nguyễn Đình Tr có mối quan hệ quen biết một số người dân và biết họ có nhu cầu vay tiền nên Tr đã nảy sinh ý định cho những người này vay tiền với mức lãi suất rất cao để thu lợi bất chính, cụ thể:

Ngày 02/01/2024, Nguyễn Đình Tr đã cho anh Đinh Trọng B1 vay số tiền **50.000.000 đồng** với lãi suất 4.000đồng/1 triệu/ 1 ngày, tương đương mức lãi suất **146%**/năm cùng thỏa thuận 10 ngày trả tiền lãi một lần. Ngày 07/01/2024, Nguyễn Đình Tr cho anh Đinh Trọng B1 vay số tiền **100.000.000 đồng** với lãi suất 4.000đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất **146%**/năm. Ngày 10/01/2024, Nguyễn Đình Tr đã cho anh Đinh Trọng B1 vay số tiền **100.000.000 đồng** với lãi suất 4.000đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất **146%**/năm. Để che giấu hành vi của mình, Tr yêu cầu anh B1 viết giấy với nội dung bán chiếc xe ô tô biển kiểm soát 35A-373.10 cho Tr và ghi nợ tổng số tiền hai lần vay là 250.000.000 đồng. Ngày 12/01/2024, Nguyễn Đình Tr tiếp tục cho anh Đinh Trọng

B1 vay số tiền **15.000.000 đồng** với lãi suất 4.000đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất **146%**/năm. Tổng số tiền mà anh B1 đã vay của Tr là 265.000.000 đồng. Ngày 22/3/2024 Nguyễn Đình Tr và anh Đinh Trọng B1 cùng thống nhất số tiền lãi của khoản vay 265.000.000 đồng được tính từ ngày đầu vay là ngày 02/01/2024 đến ngày 22/3/2024 là 80.000.000 đồng. Sau đó, anh B1 và Tr viết thêm 01 giấy vay tiền với nội dung anh B1 đã vay của Tr số tiền 345.000.000 đồng. (*Trong nội dung giấy vay tiền không ghi mức lãi suất*). Quá trình vay, anh B1 đã trả lãi cho bị cáo Tr cụ thể: ngày 24/02/2024 trả 10.000.000 đồng và ngày 23/3/2024 trả 30.000.000 đồng. Như vậy trong thời gian từ ngày 02/01/2024 đến ngày 13/5/2024 (*ngày Tr bị phát hiện về hành vi cho vay lãi nặng*) là 132 ngày, với lãi xuất 4000đồng/01 triệu/01 ngày thì số tiền lãi anh B1 sẽ phải trả cho bị cáo Tr theo như thỏa thuận của đôi bên là 139.920.000 đồng. Theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự thì mức lãi suất cao nhất chỉ là 20%/năm của khoản tiền vay tương ứng số tiền lãi là (132 x 265.000.000 x 0,2):365 = 19.167.123 đồng. Do đó, số tiền mà bị cáo Tr nhằm thu lời bất chính (tức tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự) từ việc cho anh Đinh Trọng B1 vay là (139.920.000 đồng – 19.167.123 đồng) = **120.752.877 đồng**.

Ngày 11/01/2024, bị cáo Nguyễn Đình Tr đã cho chị Hồ Thị M vay số tiền **35.000.000 đồng**, với mức lãi suất 5.000đồng/01 triệu/01 ngày, tương đương mức lãi suất **182,5%**/năm. Hai bên thỏa thuận thời gian trả lãi là 30 ngày (tháng) trả lãi 01 lần kể từ ngày bắt đầu vay, cụ thể số tiền lãi thực tế phải trả là 5.250.000 đồng/tháng. Thực tế chị M đã trả tiền lãi cho Tr trong 4 tháng cụ thể: ngày 08/02/2024, chị M chuyển khoản trả số tiền lãi là 5.250.000 đồng, trả tiền gốc 10.000.000 đồng bằng tiền mặt. Còn nợ lại 25.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy số tiền mà Tr được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay (30 x 35.000.000 x 0,2) :365 = 575.342 đồng, số tiền mà Tr thu lời bất chính là: 5.250.000 đồng - 575.342 đồng = 4.674.658 đồng. Ngày 12/3/2024, chị M trả cho Tr số tiền lãi tính từ ngày 11/02/2024 đến ngày 12/3/2024 là 3.750.000 đồng và trả cho Tr 15.000.000 đồng tiền gốc đều bằng tiền mặt. Còn nợ lại 10.000.000 đồng tiền gốc. Vì vậy số tiền mà Tr được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm của khoản tiền vay (30 x 25.000.000 x 0,2) :365 ngày = 410.959 đồng, số tiền mà Tr thu lời bất chính là: 3.750.000 đồng- 410.959 đồng = 3.339.041 đồng. Ngày 13/4/2024, chị M trả cho Tr số tiền lãi là 1.500.000 đồng, ngày 09/5/2024, chị M trả cho Tr số tiền lãi là 1.500.000 đồng. Vì vậy, tính từ ngày 13/3/2024 đến ngày 13/5/2024 (*ngày bị phát hiện hành vi vi phạm*) thì số tiền mà Tr được hưởng theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự với mức lãi suất cao nhất là 20%/năm của khoản tiền vay (60 x 25.000.000 x 0,2) :365 = 328.767 đồng, số tiền mà Tr thu lời bất chính là 2.671.233 đồng. Đến ngày 09/8/2024 chị M đã trả nốt số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng còn lại cho Tr thông qua chị Nguyễn Thị L (vợ của Tr). Như vậy, tổng số tiền lãi thực tế Tr đã thu của chị M là 12.000.000 đồng, trong đó số tiền tính theo quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự của Tr được hưởng là 1.315.068 đồng, thu lời bất chính số tiền 10.684.932 đồng. Rõ ràng trong khoảng thời gian từ ngày 02/01/2024 đến ngày 13/5/2024 bị cáo Nguyễn Đình Tr đã sử dụng số tiền gốc là 300.000.000 đồng cho

anh Đinh Trọng B1 và chị Hồ Thị M vay với mức lãi suất từ 146%/năm đến 182,5% /năm (vượt quá 7,3 lần đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự) nhằm thu lợi bất chính tổng số tiền 131.437.809 đồng nên đã phạm tội "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào tính chất, mức độ, nhân thân của bị cáo và số tiền bị cáo thu lợi bất chính, Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố bị cáo Nguyễn Đình Tr theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

***Điều 201**: Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.*

***1.** Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

***2.** Phạm tội thu lợi bất chính từ 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

***3.** Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ; xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân được pháp luật bảo vệ.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, đã có gia đình vợ con nhưng không chịu rèn luyện, tu chí làm ăn chân chính. Chỉ vì mong muốn kiếm tiền bất chính dẫn đến phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo là người đang có 01 tiền án nên lần phạm tội này phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS. Bị cáo Tr là người có nhân thân rất xấu.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự nguyện ra "đầu thú". Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Trên cơ sở các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xét bị cáo Nguyễn Đình Tr là người có nhân thân rất xấu nên cần phải cách ly bị cáo Tr ra khỏi đời sống xã hội mới đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người tốt. Hình phạt áp dụng đối với bị cáo đồng thời đảm bảo tính răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo thỏa đáng.

[8] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

Đối với 01 quyển sổ có chữ "Notebook Home" đã qua sử dụng; 01 quyển sổ màu đen trên bìa có chữ "PV.06 Classsic"; 01 quyển sổ màu đen trên bìa có chữ "MC-672 Classic" và 01 quyển sổ màu đen trên bìa 02 góc cạnh ngoài bìa đầu sổ được bọc bằng kim loại chữ "V"; 01 mảnh giấy kích thước (9,6 x 14,3) cm có nội dung vay tiền thu giữ của Nguyễn Đình Tr và 01 mảnh bìa có kích thước (20x28)cm thu giữ của Đinh Trọng B1 là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên được chuyển theo hồ sơ vụ án là đúng pháp luật.

Đối với các khoản tiền gốc mà Nguyễn Đình Tr dùng để cho anh Đinh Trọng B1 vay 265.000.000 đồng; cho chị Hồ Thị M vay 35.000.000đồng. Các khoản tiền gốc nêu trên là phương tiện bị cáo Tr sử dụng vào việc phạm tội nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Quá trình điều tra xác định chị Hồ Thị M đã trả hết số tiền gốc cho Nguyễn Đình Tr là 35.000.000đồng. Còn lại anh Đinh Trọng B1 chưa trả tiền gốc vay cho Nguyễn Đình Tr. Vì vậy cần truy thu của anh Đinh Trọng B1 số tiền 265.000.000đồng để nộp ngân sách Nhà nước; truy thu của bị cáo Nguyễn Đình Tr số tiền 35.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước

Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (khoản 1, Điều 468 BLDS) mà Nguyễn Đình Tr đã thu của anh Đinh Trọng B1 19.167.123đồng, thu của chị Hồ Thị M 1.315.068 đồng, tổng là 20.482.191 đồng,(tính tròn 20.482.000 đồng), đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo Tr để nộp ngân sách Nhà nước. Do đó tổng số tiền cần truy thu của bị cáo Nguyễn Đình Tr là 35.000.000 đồng + 20.482.000 đồng = 55.482.000 đồng

Đối với số tiền thực tế Nguyễn Đình Tr thu lời bất chính do đã thu lãi của người đi vay thì cần buộc bị cáo Tr phải trả lại cho người vay số tiền, cụ thể: Bị cáo Tr phải trả lại cho anh Đinh Trọng B1 số tiền 20.832.877 đồng, tính tròn là 20.833.000 đồng; trả lại cho chị Hồ Thị M số tiền 10.684.932 đồng, tính tròn là 10.685.000 đồng.

Đối với việc anh Đinh Trọng B1 sử dụng 01 xe ô tô nhãn hiệu MG5, biển kiểm soát 35A-373.10 tự nguyện giao cho Nguyễn Đình Tr quản lý làm tin để vay tiền (giấy tờ gốc chiếc xe do Ngân hàng V bank giữ). Quá trình điều tra xác định không có việc giao dịch mua bán xe ô tô giữa anh B1 và Tr, việc Tr giữ xe ô tô trên chỉ để đảm bảo việc anh Đinh Trọng B1 trả nợ gốc và lãi theo như hai bên cam kết. Thực tế anh B1 vẫn thực hiện việc trả lãi đối với khoản vay của Nguyễn Đình Tr và vẫn thực hiện nghiêm chỉnh việc trả nợ đối với khoản vay của Ngân hàng V bank, đại diện Ngân hàng TMCP Việt Nam T (V BANK) không có yêu cầu hoặc đề nghị gì đối với chiếc xe ô tô trên nên không có căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Đinh Trọng B1. Đồng thời chiếc xe ô tô nhãn hiệu MG5, biển kiểm soát 35A-373.10, có số khung: MMLA36U67PG016135, số máy: 15S4C5QTP3010003 là tài sản anh Đinh Trọng B1 dùng để thế chấp để vay tiền của Ngân hàng V bank, khoản vay vẫn đang trong thời hạn thực hiện, vì vậy cần trả lại chiếc xe trên cho anh Đinh Trọng B1 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax là tài sản bị cáo Nguyễn Đình Tr sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 sim số điện thoại 0979.501.135(lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax kể trên) và 01 vỏ phong bì dùng để niêm phong chiếc điện thoại di động) là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

Đối với lệnh phong tỏa số 249/LPT-CSHS ngày 27/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đối với số tiền 5.664.953 đồng trong tài khoản số: *101876300976* của Nguyễn Đình Tr mở tại Ngân hàng TMCP Công thương – chi nhánh N (Viettinbank) cần tiếp tục duy trì cho đến khi bị cáo Tr thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính đã tuyên trong bản án này thì lệnh phong tỏa tài khoản nêu trên sẽ được hủy bỏ.

Đối với số tiền 3.000.000 đồng thu giữ của bị cáo không liên quan tội phạm cần trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

Đối với chị Nguyễn Thị L (vợ của Tr), quá trình điều tra xác định chị Liên có nhận hộ bị cáo Tr số tiền 10.000.000 đồng tiền gốc mà chị Hồ Thị M trả nhưng chị Liên không biết việc bị cáo Tr thực hiện hành vi cho vay với lãi suất cao, trái với quy định của pháp luật, bản thân chị Liên cũng không góp tiền hoặc tham gia cho vay tiền với lãi suất cao nên chị Liên không phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này.

Ngoài ra Nguyễn Đình Tr còn cho một số người quen biết khác vay nhưng không tính lãi suất, không thu lợi bất chính nên Nguyễn Đình Tr không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật về các khoản cho vay này.

[9] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo Bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38, 47, 48, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 129, 136, 331 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình Tr phạm tội: "cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Tr 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 14/5/2024**.** Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Đình Tr 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax

- Tịch thu tiêu hủy 01 sim số điện thoại 0979.501.135 (lắp trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax kể trên) và 01 vỏ phong bì (dùng để niêm phong chiếc điện thoại di động đã tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước nêu trên).

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Đình Tr tổng số tiền 55.482.000 đ (năm mươi lăm triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của anh Đinh Trọng B1 số tiền 265.000.000 đ(hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Nguyễn Đình Tr phải trả lại cho anh Đinh Trọng B1 số tiền 20.833.000 đ (hai mươi triệu tám trăm ba mươi ba nghìn đồng); trả lại cho chị Hồ Thị M số tiền 10.685.000 đ (mười triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Trả lại cho anh Đinh Trọng B1 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MG5, biển kiểm soát 35A-373.10, có số khung: MMLA36U67PG016135, số máy: 15S4C5QTP3010003 nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình Tr số tiền 3.000.000đồng đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa số 249/LPT-CSHS ngày 27/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh N đối với số tiền 5.664.953 đồng trong tài khoản số: *101876300976* của Nguyễn Đình Tr mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh N cho đến khi bị cáo Tr thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính đã tuyên trong bản án này.

Đặc điểm chi tiết các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, ngày 06/9/2024.

3. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Đình Tr phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người phải thi hành án, người được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh NB;
- CQCSĐT Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Viện kiểm sát nhân dân H. N;
- Các bị cáo;

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

- Người tham gia TT khác;
- Vietinbank- Chi nhánh N;
- Lưu HS, VP

Nguyễn Hữu Quốc